TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 139/2019/QĐST-HNGĐ	*Trà Ôn, ngày 18 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1996

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa thành ngày 10 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Văn M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Gia Q, sinh ngày 28/92018 cho chị Lê Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 10/7/2019 và anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong thì anh Nguyễn Văn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: mỗi người nộp ½ án phí ly hôn, cụ thể:

Chị Lê Nguyễn Ngọc H nộp 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng), nQ được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0015402 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) trả lại chị H.

Anh Nguyễn Văn M nộp 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng), nhưng anh M thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho anh M theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã T,
huyện J, tỉnh Vĩnh Long;
(Giấy kết hôn số: 50, ngày 13/6/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Hồ Hoàng Phong